

Bài 1 ____ ĐỌC, VIẾT, SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ ____

1. Viết (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số	Đọc số	Viết số
Hai trăm ba mươi một	231		404
Bảy trăm sáu mươi	...		777
Một trăm mười lăm	...		615
Ba trăm hai mươi tư	...		505
Chín trăm chín mươi chín	...		900
Sáu trăm linh năm	...		834

2. Số ?

a)

420	421								429
-----	-----	--	--	--	--	--	--	--	-----

b)

500	499				495				
-----	-----	--	--	--	-----	--	--	--	--

3. >
<
= ?

404 ... 440 765 ... 756 899 ... 900	$200 + 5 \quad \dots 250$ $440 - 40 \quad \dots 399$ $500 + 50 + 5 \quad \dots 555$
--	---

4. a) Khoanh vào số lớn nhất :

627 ; 276 ; 762 ; 672 ; 267 ; 726.

b) Khoanh vào số bé nhất :

267 ; 672 ; 276 ; 762 ; 627 ; 726.

5. Sắp xếp các số 435, 534, 453, 354, 345, 543

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé :

.....